

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 6259-1B:2003/SĐ 3:2007

**QUY PHẠM PHÂN CẤP VÀ ĐÓNG TÀU BIỂN VỎ THÉP -
PHẦN 1B: QUI ĐỊNH CHUNG VỀ PHÂN CẤP**

Rules for the classification and construction of sea-going steel ships - Part 1A: General regulations for the classification

HÀ NỘI - 2007

QUI PHẠM PHÂN CẤP VÀ ĐÓNG TÀU BIỂN VỎ THÉP

PHẦN 1B QUI ĐỊNH CHUNG VỀ PHÂN CẤP

Rules for Classification and Construction of Sea-going Steel Ships

Part 1B General Regulation for the Classification

CHƯƠNG 1 QUI ĐỊNH CHUNG

1.1 Kiểm tra

1.1.3 Thời hạn kiểm tra duy trì cấp

Tiểu mục -1(3)(b) được sửa đổi như sau:

(3) Kiểm tra trung gian

(b) Thay cho (a), kiểm tra trung gian đối với các tàu chở hàng rời, các tàu dầu và các tàu chở xô hoá chất nguy hiểm trên 10 tuổi và các tàu chở hàng khô tổng hợp trên 15 tuổi có tổng dung tích không nhỏ hơn 500, có thể bắt đầu vào đợt kiểm tra hàng năm lần thứ 2 hoặc sau đó và được kết thúc vào đợt kiểm tra hàng năm lần thứ 2 hoặc lần thứ 3.

1.1.5 Hoãn kiểm tra chu kỳ

Bổ sung 1.1.5-2 và 1.1.5-3 như sau:

- 2 Bổ sung vào -1 nói trên, Kiểm tra trên đà tiến hành đồng thời với kiểm tra định kỳ có thể được hoãn 3 tháng, tùy thuộc vào sự chấp thuận trước với Đăng kiểm, trừ trường hợp như không có sẵn phương tiện ụ khô, không có sẵn phương tiện sửa chữa, không có sẵn vật liệu chính, trang thiết bị hoặc các bộ phận phụ tùng dự trữ hoặc bị chậm trễ/cản trở do điều kiện thời tiết.
- 3 Bất kể các qui định ở 1.1.3-2, kiểm tra máy tàu theo kế hoạch có thể được hoãn như qui định ở -1(1) hoặc (2) với điều kiện việc kiểm tra như vậy được thực hiện vào thời gian kiểm tra định kỳ.

1.1.6 Thay đổi các yêu cầu

Tiểu mục -4 được sửa đổi như sau:

- (1) Đối với những tàu không phải là tàu dầu, tàu chở hàng rời và tàu chở xô hoá c
- (2) Hết nguy hiểm và tàu hàng khô tổng hợp có tổng dung tích không nhỏ hơn 500 GT, nếu chủ tàu đề nghị và được Đăng kiểm chấp nhận, đăng kiểm viên có thể miễn qui định về việc kiểm tra bên trong, đo chiều dày và thử áp lực các khoang, kết vào đợt kiểm tra định kỳ, nếu những nội dung thử và kiểm tra đó đã được thực hiện liên tục tại các đợt kiểm tra định kỳ thích hợp (sau đây gọi là "Kiểm tra liên tục thân tàu"). Nếu từ việc kiểm tra liên tục thân tàu phát hiện thấy bất cứ khuyết tật nào, đăng kiểm viên có thể yêu cầu kiểm tra thêm một số kết hoặc khoang cần thiết. Nếu cần, Đăng kiểm có thể yêu cầu tiến hành kiểm tra liên tục thân tàu bằng một phương pháp khác với phương pháp đã nêu ở trên.
- (3) Đối với các tàu áp dụng kiểm tra liên tục thân tàu, kiểm tra trên đà như qui định ở 1.1.3-1(4)(a) có thể được thực hiện trước kiểm tra định kỳ, với điều kiện là kiểm tra trên đà phải được đưa ra hai lần hoặc hơn nữa bởi ngày hết hạn của giấy chứng nhận cấp tàu và phù hợp với các qui định của Chương 6. Tuy nhiên, phải được thực hiện trong vòng 36 tháng kể từ ngày hoàn tất kiểm tra trên đà lần trước.
- (3) Đối với các tàu áp dụng kiểm tra liên tục thân tàu, việc kiểm tra bên trong các kết dẫn của những tàu trên 10 tuổi phải được thực hiện như qui định ở (a) và (b) dưới đây:
 - (a) Trùng với kiểm tra định kỳ;
 - (b) Trùng với kiểm tra trung gian.

1.1.7 Tàu chở hàng rời

Tiểu mục -1 được sửa đổi như sau:

- 1 Đối với các tàu áp dụng Mục 29.11, Chương 29, Phần 2A, ngoài việc phải kiểm tra theo các qui định của Chương này, còn phải kiểm tra phù hợp với các qui định ở Mục 29.11, Chương 29, Phần 2A, bao gồm 29.11.2, 29.11.3 và 29.11.4 (theo thời gian được qui định ở Bảng 2A/29.20), 29.11.5 và 29.11.6 (theo thời gian được qui định ở Bảng 2A/29.21) và các qui định ở 29.11.7. Khi đánh giá sự phù hợp với các qui định 29.11.3 và 29.11.5, Phần 2A, phải tiến hành đo chiều dày phù hợp với yêu cầu của Đăng kiểm. Trong trường hợp này, qui trình đo và bản đồ chiều dày phải áp dụng bổ sung các qui định tương ứng ở 3.4.6-1.

1.3 Định nghĩa

1.3.1 Các thuật ngữ

Các tiểu mục (1), (7) và (13) được sửa đổi, bổ sung mới tiểu mục (14) và (15), các tiểu mục (14) và (15) được đổi thành (16) và (17), cụ thể như sau:

- (1) “Két dẫn” là két chỉ dùng để chứa nước dẫn. Đối với két được dùng vừa để chở hàng vừa để chứa nước dẫn, phải áp dụng các qui định (a) và (b) sau đây:
 - (a) Két được dùng vừa để chở hàng vừa để chứa nước dẫn sẽ được coi là két dẫn khi kiểm tra bên trong két đó thấy bị ăn mòn thực sự.
 - (b) Đối với các tàu dầu và tàu chở xô hoá chất nguy hiểm, két hàng tổng hợp và két dẫn là két được dùng để chở hàng hoặc chứa nước dẫn được coi là bình thường của việc khai thác tàu và sẽ được coi như két dẫn.
- (7) “Hệ thống chống ăn mòn” được xem xét như là một lớp phủ cứng hoàn toàn.
- (13) “Tàu chở hàng rời” là các tàu sau đây:
 - (a) Các tàu được đóng mới hoặc hoán cải có boong đơn, các két đỉnh mạn và két hông trong các khoang hàng và chủ yếu dùng để chở hàng khô dạng rời,
 - (b) Các tàu được đóng mới hoặc hoán cải có boong đơn, hai vách dọc và đáy đôi kéo suốt các khoang hàng và chủ yếu dùng để chở quặng chỉ trong các khoang hàng trung tâm,
 - (c) Các tàu chở hàng hỗn hợp được thiết kế để chở xô hoặc là dầu hoặc là hàng rắn ở dạng rời, ví dụ như tàu dầu/quặng và tàu dầu/hàng rời/quặng, và có kết cấu như các tàu định nghĩa ở (a) và (b) nói trên.
- (14) “Tàu chở hàng rời vỏ kép” là những tàu thuộc loại tàu chở hàng rời định nghĩa ở (13), trong đó tất cả các khoang hàng được bao bởi vỏ mạn kép (bất kể bề rộng của khoang mạn).
- (15) “Tàu hàng khô tổng hợp” là các tàu được đóng mới hoặc hoán cải để chở hàng rắn khác với các tàu sau:
 - (a) Tàu hàng rời,
 - (b) Tàu công te nơ,
 - (c) Tàu chuyên chở các sản phẩm rừng (trừ gỗ súc),
 - (d) Tàu hàng RO-RO,

SỬA ĐỔI 3: 2007 TCVN 6259-1B:2003

- (e) Tàu chở ô tô,
- (f) Tàu hàng đông lạnh,
- (g) Tàu chuyên chở gỗ xẻ,
- (h) Tàu chuyên chở xi măng.

1.4 Chuẩn bị kiểm tra và các vấn đề khác

1.4.2 Chuẩn bị kiểm tra

Tiểu mục -2 được sửa đổi như sau:

- 2 Đối với các tàu dầu, tàu chở hàng rời và tàu chở quặng, chủ tàu phải trình cho Đăng kiểm qui trình kiểm tra, trong đó bao gồm các hạng mục kiểm tra như là một phần của công việc chuẩn bị cho đợt kiểm tra định kỳ, cũng như đối với các đợt kiểm tra trung gian các tàu chở hàng rời, chở dầu và các tàu chở xô hoá chất nguy hiểm trên 10 tuổi.

CHƯƠNG 3 KIỂM TRA DUY TRÌ CẤP

Chương này có những thay đổi như sau: bổ sung mới Mục 3.1, chuyển Mục 3.2 thành Mục 3.5, các Mục khác được đánh số lại: Mục 3.5 thành 3.6 , Mục 3.6 thành 3.7, Mục 3.7 thành 3.8 v.v..:

3.1 Qui định chung

3.1.1 Các qui định đặc biệt

Nếu thấy cần thiết, Đăng kiểm có thể yêu cầu kiểm tra toàn diện như kiểm tra định kỳ, lưu ý đến lịch sử sửa chữa và khai thác tàu hoặc các hư hỏng của tàu tương tự hoặc các kết và khoang.

3.1.2 Kiểm tra tàu chở hàng hỗn hợp

Tại các đợt kiểm tra hàng năm đối với các tàu chở hàng tổng hợp như chở quặng/dầu và chở quặng/hàng rời/dầu, phải kiểm tra phù hợp với các qui định liên quan ở Chương này, xem xét các trang thiết bị của tàu, hình dạng kết cấu và quá trình khai thác trước đó.

3.2 Kiểm tra hàng năm thân tàu, trang thiết bị, thiết bị chữa cháy và phụ tùng

3.2.1 Kiểm tra hồ sơ và bản vẽ

Bổ sung vào cuối Bảng 1B/3.1 nội dung sau đây:

| No. | Hạng mục kiểm tra | Nội dung kiểm tra |
|-----|--------------------------------------|---|
| 8 | Sổ tay hướng dẫn lối đến kết cấu tàu | <ul style="list-style-type: none"> • Đối với các tàu được trang bị sổ tay hướng dẫn phù hợp với qui định ở Chương 35, Phần 2A và 26.2.6, Phần 2B của qui phạm, xác nhận sổ tay này được lưu giữ trên tàu và được thay mới khi cần thiết. |

3.2.2 Kiểm tra chung

Bảng 1B/3.2 từ dòng 17 được đánh số lại, sửa đổi và bổ sung mới dòng 20 (số nhận dạng tàu), dòng 23 (hệ thống ống trong khoang hàng đối với tàu hàng khô tổng hợp trên 15 tuổi, có tổng dung tích ≥ 500) như sau:

Bảng 1B/3.2 Kiểm tra chung

| No. | Hạng mục kiểm tra | Nội dung kiểm tra |
|--|------------------------------------|--|
| 17 | | • |
| 18 | Thiết bị kéo sự cố | • Đối với những tàu được trang bị hệ thống kéo sự cố theo các yêu cầu ở 25.3, Phần 2A, phải kiểm tra tình trạng chung của hệ thống. |
| 19 | Máy tính xếp hàng | • Đối với những tàu được trang bị máy tính theo yêu cầu ở 32.1.1 và 32.3.2, Phần 2A, phải kiểm tra xác nhận máy tính được duy trì ở trạng thái tốt. |
| 20 | Số nhận dạng tàu | • Đối với những tàu yêu cầu có dấu hiệu số nhận dạng tàu, phải kiểm tra tình trạng chung của hệ thống. |
| Yêu cầu bổ sung đối với tàu dầu và tàu chở xô hoá chất nguy hiểm | | |
| 21 | Hệ thống ống | • Phải kiểm tra tình trạng chung của các ống dầu hàng, dầu đốt, ống dẫn, ống thông hơi kể cả các trụ thông hơi và các đầu thông hơi, các ống khí trợ và tất cả các ống khác trong buồng bơm và trên các boong thời tiết. |
| Yêu cầu bổ sung đối với tàu chở hàng rời trên 15 tuổi | | |
| 22 | Hệ thống ống trong các khoang hàng | • Phải kiểm tra tất cả các ống và các lỗ xuyên ống trong khoang hàng kể cả các ống xả mạn. |
| Yêu cầu bổ sung đối với tàu hàng khô tổng hợp trên 15 tuổi, có tổng dung tích ≥ 500 | | |
| 23 | Hệ thống ống trong các khoang hàng | • Phải kiểm tra tất cả các ống và các lỗ xuyên ống trong khoang hàng kể cả các ống xả mạn. |

Mục 3.1.4 được đổi thành 3.2.4 và sửa đổi như sau:

3.2.4 Kiểm tra bên trong các khoang và các kết

Vào các đợt kiểm tra hàng năm, phải tiến hành kiểm tra bên trong theo qui định ở (1) và (2) dưới đây:

- (1) Các khoang và kết như qui định ở Bảng 1B/3.4
- (2) Vùng nghi ngờ được phát hiện trước lúc kiểm tra (trừ các khoang hàng của tàu dầu và tàu chở xô hoá chất nguy hiểm).

Các Mục 3.1.5 được đổi thành 3.2.5, Mục 3.1.6 được đổi thành 3.2.6 và Mục 3.1.7 được đổi thành 3.2.7.

Các Bảng 1B/3.4 , 1B/3.5 được sửa đổi như sau:

Bảng 1B/3.4 Kiểm tra bên trong các khoang và kết

| No. | Hạng mục | Nội dung kiểm tra |
|--|----------------------------|--|
| Các yêu cầu đối với tàu chở hàng rời không phải là tàu chở hàng rời vỏ kép* | | |
| 1 | Buồng máy và buồng nổi hơi | • Phải kiểm tra bên trong. |
| 2 | Kết dẫn | • Đối với các tàu trên 5 tuổi, phải kiểm tra bên trong (các) kết đã có khuyến cáo phải kiểm tra bên trong từ đợt kiểm tra trung gian hoặc định kỳ trước. |
| 3 | Khoang hàng | • Đối với các tàu trên 10 tuổi, phải kiểm tra bên trong tất cả các khoang hàng. |
| Các yêu cầu đối với tàu chở hàng rời vỏ kép | | |
| 1 | Buồng máy và buồng nổi hơi | • Phải kiểm tra bên trong. |
| 2 | Kết dẫn | • Đối với các tàu trên 5 tuổi, phải kiểm tra bên trong (các) kết đã có khuyến cáo phải kiểm tra bên trong từ đợt kiểm tra trung gian hoặc định kỳ trước. |
| 3 | Khoang hàng | • Đối với các tàu trên 10 tuổi đến 15 tuổi, phải kiểm tra bên trong hai khoang hàng lựa chọn. • Đối với các tàu trên 10 tuổi, phải kiểm tra tất cả các khoang hàng. |
| Các yêu cầu đối với tàu chở hàng khô tổng hợp có tổng dung tích ≥ 500 | | |
| 1 | Buồng máy và buồng nổi hơi | • Phải kiểm tra bên trong. |
| 2 | Kết dẫn | • Đối với các tàu hàng khô tổng hợp trên 5 tuổi, phải kiểm tra bên trong (các) kết đã có khuyến cáo phải kiểm tra bên trong từ đợt kiểm tra trung gian hoặc định kỳ trước. |
| 3 | Khoang hàng | • Đối với các tàu chở gỗ trên 5 tuổi đến 10 tuổi, phải kiểm tra bên trong tất cả các khoang hàng để đánh giá tình trạng các chân sườn khoang, các mã chân và chân các vách ngang. • Đối với các tàu chở hàng khô tổng hợp trên 10 tuổi đến 15 tuổi, phải kiểm tra một khoang hàng mũi và một khoang hàng đuôi (tất cả các khoang hàng đối với tàu chở gỗ) và không gian nội boong liên quan. • Đối với các tàu chở hàng khô tổng hợp trên 15 tuổi, phải kiểm tra bên trong tất cả các khoang hàng và không gian nội boong liên quan. |
| Chú thích: | | |
| 1. Phải tiến hành Kiểm tra bên trong vùng nghi ngờ được phát hiện tại các lần kiểm tra chu kỳ (trừ các khoang hàng của tàu dầu và tàu chở xó hoá chất nguy hiểm). | | |
| * Đối với tàu chở hàng rời bố trí khoang hàng ghép, ví dụ nếu có một số khoang vỏ mạn đơn và một số khoang khác vỏ mạn kép, thì các qui định đối với tàu chở hàng rời vỏ kép phải được áp dụng đối với các khoang hàng có vỏ mạn kép và các kết mạn liên quan. | | |

Bảng 1B/3.5 Kiểm tra tiếp cận

| No. | Hạng mục | Nội dung kiểm tra |
|--|--|---|
| Các yêu cầu đối với tàu chở hàng rời không phải là tàu hàng rời vỏ kép* | | |
| 1 | Các nắp miệng khoang và thành miệng khoang | <ul style="list-style-type: none"> • Phải kiểm tra tiếp cận tấm nắp miệng khoang, tấm thành quây miệng khoang và các nẹp gia cường của chúng. |
| 2 | Các kết cấu trong khoang hàng | <ul style="list-style-type: none"> • Đối với tàu trên 10 tuổi nhưng không quá 15 tuổi, phải kiểm tra tiếp cận với mức độ thoả đáng, tối thiểu là 25% tổng số sườn, để thiết lập được tình trạng của vùng chân sườn và các mã chân sườn cùng với tôn mạn liền kề (khoảng 1/3 chiều dài các sườn) trong khoang hàng phía trước. • Đối với các tàu trên 15 tuổi, phải kiểm tra tiếp cận với mức độ thoả đáng, tối thiểu là 25% tổng số sườn, để thiết lập được tình trạng của vùng chân sườn và các mã chân sườn cùng với tôn mạn liền kề (khoảng 1/3 chiều dài các sườn) trong khoang hàng phía trước và một khoang hàng được chọn khác. • Nếu mức độ kiểm tra này cho thấy phải có các biện pháp khắc phục thì việc kiểm tra phải được mở rộng để bao gồm cả việc kiểm tra tiếp cận tất cả các sườn mạn và tôn vỏ liền kề của khoang hàng đó, đồng thời kiểm tra tiếp cận với phạm vi thoả đáng, tối thiểu là 25% tổng số sườn, của tất cả các khoang hàng còn lại. |
| Các yêu cầu đối với tàu hàng rời vỏ kép | | |
| 1 | Các nắp miệng khoang và thành miệng khoang | <ul style="list-style-type: none"> • Phải kiểm tra tiếp cận tấm nắp miệng khoang và tấm thành quây miệng khoang cùng với các nẹp gia cường của chúng. |
| Các yêu cầu đối với tàu chở hàng khô tổng hợp có tổng dung tích ≥ 500 | | |
| 1 | Các nắp miệng khoang và thành miệng khoang | <ul style="list-style-type: none"> • Phải kiểm tra tiếp cận tấm nắp miệng khoang và tấm thành quây miệng khoang cùng với các nẹp gia cường của chúng. |

| | | |
|---|-------------|--|
| 2 | Sườn khoang | <ul style="list-style-type: none"> • Đối với tàu chở gỗ trên 5 tuổi đến 15 tuổi, phạm vi kiểm tra phải được tăng lên đến mức độ mà Đăng kiểm viên cho là cần thiết sau khi xem xét kết quả kiểm tra được thực hiện theo qui định ở Bảng 1B/3.4. • Đối với các tàu hàng khô tổng hợp trên 15 tuổi, phải kiểm tra tiếp cận với mức độ thoả đáng, tối thiểu là 25% tổng số sườn, để thiết lập được tình trạng của vùng chân sườn và các mã chân sườn cùng với tôn mạn liên kế (khoảng 1/3 chiều dài các sườn) trong khoang hàng phía trước và một khoang hàng được chọn khác. • Nếu mức độ kiểm tra này cho thấy phải có các biện pháp khắc phục thì việc kiểm tra phải được mở rộng để bao gồm cả việc kiểm tra tiếp cận tất cả các sườn mạn và tôn vỏ liền kế của khoang hàng đó và các không gian nội boong liên quan (nếu có), đồng thời kiểm tra tiếp cận với phạm vi thoả đáng, tất cả các khoang hàng và không gian nội boong (nếu có) còn lại. |
| <p>Chú thích: * Đối với tàu bố trí khoang hàng ghép ví dụ nếu có một số khoang vỏ mạn đơn và một số khoang khác vỏ mạn kép, thì các qui định đối với tàu chở hàng rời vỏ kép phải được áp dụng đối với các khoang hàng có vỏ mạn kép và các kết mạn liên quan.</p> | | |

3.2.6 Đo chiều dày

Vào các đợt kiểm tra hàng năm, phải tiến hành đo chiều dày theo qui định ở (1) và (2) dưới đây: Đối với thiết bị đo và biên bản đo chiều dày, phải áp dụng các qui định tương ứng ở 3.4.6-1.

- (1) Các khoang và kết như qui định ở Bảng 1B/3.6
- (2) Vùng nghi ngờ được phát hiện vào trước lúc kiểm tra (trừ các khoang hàng của tàu dầu và tàu chở xô hoá chất nguy hiểm).

Bảng 1B/3.6 được bổ sung như sau:

Bảng 1B/3.6 Đo chiều dày

| No. | Hạng mục | Nội dung kiểm tra |
|---|--|---|
| Các yêu cầu đối với tàu chở hàng khô tổng hợp có tổng dung tích ≥ 500 | | |
| 1 | Các kết cấu trong kết dẫn | <ul style="list-style-type: none"> Nếu khi kiểm tra các kết dẫn như qui định ở Bảng 1B/3.4 đối với tàu chở hàng rời trên 5 tuổi phát hiện thấy có ăn mòn rộng, thì phải đo chiều dày đến mức độ đăng kiểm viên thấy thoả đáng. Nếu phát hiện thấy có ăn mòn nhiều, thì phải đo chiều dày bổ sung như qui định ở 3.4.6-5. |
| 2 | Nắp miệng khoang và thành miệng khoang | <ul style="list-style-type: none"> Nếu từ kết quả kiểm tra tiếp cận qui định ở Bảng 1B/3.5, đăng kiểm viên thấy cần thiết thì phải đo chiều dày đến mức độ đăng kiểm viên thấy thoả đáng. Nếu phát hiện thấy có ăn mòn nhiều thì phải đo chiều dày bổ sung như qui định ở 3.4.6-5. |
| 3 | Các kết cấu trong khoang hàng | Đối với các tàu chở hàng khô trên 10 tuổi, từ kết quả kiểm tra bên trong theo qui định ở Bảng 1B/3.4 và kiểm tra tiếp cận theo qui định ở Bảng 1B/3.5, nếu Đăng kiểm viên thấy cần thiết thì phải đo chiều dày đến mức độ Đăng kiểm viên thấy thoả đáng. Nếu phát hiện thấy có ăn mòn nhiều thì phải đo chiều dày bổ sung như qui định ở 3.4.6-5. |
| <p>Chú thích: Phải tiến hành đo chiều dày của vùng ăn mòn nhiều được phát hiện tại các đợt kiểm tra chu kỳ (trừ khoang hàng của tàu dầu và tàu chở xô hoá chất nguy hiểm).</p> | | |

3.3 Kiểm tra trung gian thân tàu, trang thiết bị, thiết bị chữa cháy và phụ tùng

Mục 3.3 có những bổ sung như sau:

Bổ sung Mục 3.3.1, các Mục cũ của 3.3 được được đánh số lại: 3.3.1 thành 3.3.2, Mục 3.3.2 thành 3.3.3 v.v..

3.3.1 Qui định chung

1 Yêu cầu đặc biệt

- (1) Nếu đăng kiểm thấy cần thiết, phạm vi kiểm tra như kiểm tra định kỳ sẽ được yêu cầu, có xét đến quá trình khai thác và lịch sử tàu hoặc tai nạn của các tàu, các kết và các không gian tương tự.
- (2) Vào các đợt kiểm tra trung gian đối với các tàu chở hàng rời, tàu dầu, tàu chở xô hoá chất nguy hiểm trên 10 tuổi và các tàu hàng khô tổng hợp trên 15 tuổi

có tổng dung tích không nhỏ hơn 500, khối lượng kiểm tra được quy định tại 3.3.2, 3.3.4, 3.3.5 và 3.3.6 phải được thực hiện như khối lượng kiểm tra khi kiểm tra định kỳ trước được quy định tại 3.4.4, 3.4.6, 3.4.7 và 3.4.8 (ngoại trừ 3.4.6-6) tương ứng, bao gồm kiểm tra trên đà (ngoại trừ điểm 9 nêu ở Bảng B1/3.7), nhưng phải kiểm tra cả các két nhiên liệu, két dầu nhờn và két nước ngọt, kiểm tra (cả bên trong và bên ngoài) các đầu ống thông hơi tự động được lắp trên boong hở. Đối với tàu hàng khô tổng hợp trên 15 tuổi có tổng dung tích không nhỏ hơn 500 phải đo chiều dày từng tấm dáy trong phạm vi chiều dài vùng chứa hàng, kể cả mép dưới của tấm hông”.

2 Kiểm tra tàu chở hàng hỗn hợp

Vào các đợt kiểm tra trung gian đối với các tàu chở hàng hỗn hợp như tàu chở quặng/dầu và tàu chở quặng/hàng rời/dầu, việc kiểm tra phải được tiến hành phù hợp với các quy định liên quan của Mục này (3.3), xem xét các trang thiết bị của tàu, hình dạng kết cấu và quá trình khai thác trước đó.

Các Mục 3.3.4 đánh số thành 3.3.5, 3.3.6 thành 3.3.7 và được sửa đổi như sau:

3.3.5 Kiểm tra bên trong các khoang và két

Vào các đợt kiểm tra trung gian, phải tiến hành kiểm tra bên trong các khoang và két như quy định ở Bảng B1/3.9 và vùng nghi ngờ được xác định vào trước lúc kiểm tra.

3.3.7 Đo chiều dày

Vào các đợt kiểm tra trung gian, phải tiến hành đo chiều dày các chi tiết như quy định ở Bảng B1/3.11 và vùng nghi ngờ được xác định vào trước lúc kiểm tra. Thiết bị đo và biên bản đo chiều dày phải áp dụng càng tương ứng với quy định 3.4.6-1 càng tốt.

Bảng 1B/3.9 được sửa đổi như sau:

Bảng 1B/3.9 Kiểm tra bên trong các khoang và két

| No | Hạng mục | Nội dung kiểm tra |
|---|----------------------------|--|
| Các yêu cầu đối với tàu hàng trừ những tàu được nêu riêng dưới đây | | |
| 1 | Buồng máy và buồng nổi hơi | <ul style="list-style-type: none"> • Phải kiểm tra bên trong. |
| 2 | Két dẫn | <ul style="list-style-type: none"> • Đối với các tàu trên 5 tuổi đến 10 tuổi, phải kiểm tra bên trong các két dẫn nước biển đại diện. Nếu phát hiện thấy tình trạng sơn phủ kém, ăn mòn hoặc các khuyết tật khác trong két dẫn hoặc không có sơn phủ bảo vệ từ khi chế tạo, việc kiểm tra phải được mở rộng cho các két dẫn tương tự khác. • Đối với các tàu hơn 10 tuổi, phải kiểm tra bên trong tất cả các két dẫn. • Nếu kiểm tra bằng mắt thường không phát hiện thấy khuyết tật về kết cấu, thì việc kiểm tra có thể giới hạn đủ để xác định rằng hệ thống bảo vệ ăn mòn vẫn còn hiệu quả. • Đối với các két dẫn nếu phát hiện thấy tình trạng sơn bảo vệ kém mà không được sơn lại hoặc không có sơn bảo vệ, trừ các két đáy đôi, phải kiểm tra bên trong hàng năm. Đối với các két dẫn đáy đôi có tình trạng như trên, nếu Đăng kiểm viên thấy cần thiết, phải kiểm tra bên trong hàng năm. |
| 3 | Khoang hàng | <ul style="list-style-type: none"> • Đối với tàu trên 10 tuổi, trừ những tàu chỉ chở hàng khô, phải kiểm tra bên trong các khoang hàng được chọn. • Đối với những tàu trên 15 tuổi, phải kiểm tra bên trong một khoang hàng phía trước và một khoang hàng phía sau. |
| Các yêu cầu đối với tàu dầu và tàu chở xô hoá chất nguy hiểm | | |
| 1 | Buồng máy và buồng nổi hơi | <ul style="list-style-type: none"> • Phải kiểm tra bên trong. |
| 2 | Két dẫn | <ul style="list-style-type: none"> • Đối với những tàu trên 5 tuổi đến 10 tuổi, phải kiểm tra bên trong các két dẫn đại diện. Đối với tàu dầu, trừ tàu dầu hai lớp vỏ, phải kiểm tra bên trong tất cả các két dẫn. • Nếu kiểm tra bằng mắt thường không phát hiện thấy khuyết tật về kết cấu, thì việc kiểm tra có thể giới hạn đủ để xác định rằng hệ thống bảo vệ ăn mòn vẫn còn hiệu quả. • Nếu phát hiện thấy tình trạng sơn phủ kém, ăn mòn hoặc các khuyết tật khác hoặc không có sơn bảo vệ từ khi chế tạo, thì việc kiểm tra phải được mở rộng cho các két dẫn tương tự khác. • Đối với các két dẫn, nếu phát hiện thấy lớp sơn bảo vệ ở trong tình trạng kém và không được sơn lại hoặc không có sơn bảo vệ, thì phải kiểm tra bên trong hàng năm. |
| <p>Chú thích : Thuật ngữ "Két dẫn nước biển đại diện" hoặc "Két dẫn đại diện" có nghĩa là các két dẫn bao gồm tối thiểu két mũi, két đuôi và 2 két sâu trong phạm vi chiều dài khoang hàng (Đối với tàu dầu hai lớp vỏ-3 két).</p> | | |

Bảng 1B/3.9 Kiểm tra bên trong các khoang và kết (tiếp theo)

| No. | Hạng mục kiểm tra | Nội dung kiểm tra |
|--|----------------------------|--|
| Các yêu cầu đối với tàu chở hàng rời | | |
| 1 | Buồng máy và buồng nổi hơi | <ul style="list-style-type: none"> • Phải kiểm tra bên trong. |
| 2 | Kết dẫn | <ul style="list-style-type: none"> • Đối với những tàu trên 5 tuổi đến 10 tuổi, phải kiểm tra bên trong các kết dẫn đại diện và các kết dẫn/hàng hỗn hợp (nếu có), nếu phát hiện thấy tình trạng sơn phủ kém, ăn mòn hoặc các khuyết tật khác trong kết dẫn hoặc không có sơn bảo vệ từ khi chế tạo, thì việc kiểm tra phải được mở rộng cho các kết dẫn tương tự khác. • Nếu kiểm tra bằng mắt thường không phát hiện thấy khuyết tật về kết cấu thì việc kiểm tra có thể giới hạn đủ để xác định rằng hệ thống bảo vệ ăn mòn vẫn còn hiệu quả. • Đối với các kết dẫn, nếu phát hiện thấy lớp sơn bảo vệ ở trong tình trạng kém và không được sơn lại hoặc không có sơn bảo vệ, trừ các kết đáy đôi, thì phải kiểm tra bên trong hàng năm. Đối với các kết dẫn đáy đôi với tình trạng như trên, nếu Đăng kiểm viên thấy cần thiết, thì phải kiểm tra bên trong hàng năm. |
| 3 | Khoang hàng | <ul style="list-style-type: none"> • Đối với những tàu trên 5 tuổi, phải kiểm tra bên trong tất cả các khoang hàng. |
| Các yêu cầu đối với tàu chở hàng khô tổng hợp có tổng dung tích ≥ 500 | | |
| 1 | Buồng máy và buồng nổi hơi | <ul style="list-style-type: none"> • Phải kiểm tra bên trong. |
| 2 | Kết dẫn | <ul style="list-style-type: none"> • Tương tự như đối với tàu hàng. |
| 3 | Các khoang hàng | <ul style="list-style-type: none"> • Đối với các tàu chở hàng khô tổng hợp trên 5 tuổi đến 10 tuổi, phải kiểm tra bên trong một khoang hàng mũi và một khoang hàng đuôi (kiểm tra tất cả các khoang hàng đối với tàu chở gỗ) và cả không gian nội boong liên quan. • Đối với các tàu chở hàng khô tổng hợp trên 10 tuổi, phải kiểm tra bên trong tất cả các khoang hàng và không gian nội boong liên quan. |
| <p>Chú thích: Thuật ngữ "Kết dẫn nước biển đại diện" hoặc "Kết dẫn đại diện" có nghĩa là các kết dẫn bao gồm tối thiểu kết mũi, kết đuôi và 2 kết sâu (deep tank) trong phạm vi chiều dài khoang hàng (Đối với tàu dầu hai lớp vỏ - 3 kết).</p> | | |

Bảng 1B/3.10 được sửa đổi như sau:

Bảng 1B/3.10 Kiểm tra tiếp cận

| No | Hạng mục kiểm tra | Nội dung kiểm tra |
|---|---|--|
| Tàu đầu và tàu chở xô hoá chất nguy hiểm hơn 10 tuổi | | |
| 1 | Các kết cấu trong kết dẫn | <ul style="list-style-type: none"> Phải kiểm tra tiếp cận các kết dẫn với cùng nội dung kiểm tra như đợt kiểm tra định kỳ lần trước. |
| 2 | Các kết cấu trong khoang hàng | <ul style="list-style-type: none"> Phải kiểm tra tiếp cận tối thiểu hai kết hàng hỗn hợp với cùng nội dung kiểm tra như đợt kiểm tra định kỳ lần trước (chỉ áp dụng cho tàu đầu vỏ kép). Phải kiểm tra tiếp cận tối thiểu hai kết dẫn/hàng hỗn hợp (nếu có) với cùng nội dung kiểm tra như đợt kiểm tra định kỳ lần trước. Có thể chấp nhận kiểm tra tiếp cận chỉ một kết hàng tổng hợp nếu không có thêm kết hàng tổng hợp nào khác (trừ trường hợp tàu đầu vỏ kép). |
| Các yêu cầu đối với tàu chở hàng rời khác với tàu chở hàng rời hai lớp vỏ* | | |
| 1 | Nắp đậy miệng khoang và thành quây miệng khoang | <ul style="list-style-type: none"> Phải kiểm tra tiếp cận tất cả các tấm nắp đậy miệng khoang, các tấm thành quây miệng khoang và các nẹp gia cường của chúng. |
| 2 | Các thành phần kết cấu trong khoang hàng | <ul style="list-style-type: none"> Đối với những tàu trên 5 tuổi, phải kiểm tra tiếp cận với mức độ thỏa đáng, tối thiểu 25% các sườn để thiết lập được tình trạng các sườn vỏ tàu kể cả các chi tiết gắn vào đầu trên và dưới của chúng và tôn vỏ xung quanh trong khoang hàng phía trước và một khoang hàng được lựa chọn khác. Tùy thuộc vào kết quả kiểm tra bên trong và kiểm tra tiếp cận, nếu đăng kiểm viên thấy cần thiết, việc kiểm tra phải được mở rộng bao gồm kiểm tra tiếp cận tất cả các sườn vỏ và tôn vỏ xung quanh của các khoang hàng đó, đồng thời kiểm tra tiếp cận với mức độ thỏa đáng, tối thiểu là 25%, đối với tất cả các khoang hàng còn lại. |
| | .1 Các sườn của khoang hàng kể các chi tiết gắn vào đầu trên và đầu dưới của chúng, tôn vỏ xung quanh | |
| | .2 Các vách ngang | |
| | .3 Các thành phần kết cấu khác | <ul style="list-style-type: none"> Nếu thấy cần thiết, đăng kiểm viên phải kiểm tra tiếp cận các thành phần kết cấu khác từ kết quả kiểm tra bên trong như qui định ở Bảng 1B/3.4. |
| Các yêu cầu đối với tàu chở hàng rời hai lớp vỏ | | |
| 1 | Nắp đậy miệng khoang và thành quây miệng khoang | <ul style="list-style-type: none"> Phải kiểm tra tiếp cận tất cả các tấm nắp đậy miệng khoang, các tấm thành quây miệng khoang và các nẹp gia cường của chúng. |
| 2 | Các thành phần kết cấu trong khoang hàng | <ul style="list-style-type: none"> Nếu thấy cần thiết, đăng kiểm viên phải kiểm tra tiếp cận các thành phần kết cấu khác từ kết quả kiểm tra bên trong như qui định ở Bảng 1B/3.4. |

| Các yêu cầu đối với tàu chở hàng khô tổng hợp có tổng dung tích ≥ 500 | | |
|---|---|---|
| 1 | Nắp đậy miệng khoang và thành quây miệng khoang | <ul style="list-style-type: none"> • Phải kiểm tra tiếp cận tất cả các tấm nắp đậy miệng khoang, các tấm thành quây miệng khoang và các nẹp gia cường của chúng. |
| 2 | <p>Các thành phần kết cấu trong khoang hàng</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Phần dưới của sườn vỏ và mã nút dưới của chúng. 3. Phần dưới của vách ngang. 4. Phần dưới (đặt trên tấm đáy trong) của các ống xuyên qua khoang hàng như ống thông hơi, ống đo v.v.. | <ul style="list-style-type: none"> • Đối với tàu gỗ trên 5 tuổi, phải kiểm tra tiếp cận các kết cấu liệt kê ở cột bên trái trong tất cả các khoang hàng. |
| <p>Chú thích : * Đối với các tàu chở hàng rời có bố trí khoang hàng ghép v.v..với một số khoang hàng vỏ mạn đơn và các khoang hàng vỏ mạn kép khác, các yêu cầu đối với tàu chở hàng rời hai lớp vỏ được áp dụng cho các khoang hàng của tàu hai lớp vỏ và các kết mạn đi kèm.</p> | | |

Bảng 1B/3.11 được bổ sung và sửa đổi như sau:

Bảng 1B/3.11 Đo chiều dày

| No | Hạng mục | Lưu ý trong kiểm tra |
|--|---|--|
| Các yêu cầu đối với tàu trên 5 tuổi trừ những tàu được nêu riêng dưới đây | | |
| 1 | Các kết cấu trong két dẫn | <ul style="list-style-type: none"> Từ kết quả kiểm tra như qui định trong Bảng 1B/3.4, nếu đăng kiểm viên thấy cần thiết, phải đo chiều dày với mức độ do đăng kiểm viên quyết định tại những vị trí có tình trạng sơn phủ kém, ăn mòn hoặc các khuyết tật khác trong két dẫn hoặc không có sơn bảo vệ từ thời điểm chế tạo. Nếu phát hiện thấy có ăn mòn nhiều, phải đo bổ sung chiều dày như qui định ở 3.4.6-2. |
| Các yêu cầu đối với tàu dầu và tàu chở xô hoá chất nguy hiểm | | |
| 1 | Các ống dẫn hàng, dầu đốt, ống dẫn, ống thông hơi kể cả các trụ và ống góp thông hơi, các đường ống khí trợ và tất cả các đường ống trong buồng bơm và trên boong thời tiết | <ul style="list-style-type: none"> Từ kết quả kiểm tra như qui định ở 3.4.4, nếu đăng kiểm viên thấy cần thiết, thì phải đo chiều dày. |
| 2 | Các thành phần kết cấu trong két dẫn (đối với các tàu trên 5 tuổi) | <ul style="list-style-type: none"> Từ kết quả kiểm tra qui định ở Bảng 1B/3.4, nếu đăng kiểm viên thấy cần thiết, phải đo chiều dày với mức độ do đăng kiểm viên quyết định tại những vị trí phát hiện thấy lớp sơn phủ kém, ăn mòn hoặc các khuyết tật khác trong két dẫn hoặc không có sơn bảo vệ từ thời điểm chế tạo. Nếu kết quả đo chiều dày thể hiện mức độ ăn mòn nhiều, thì phải tăng phạm vi đo chiều dày phù hợp với qui định ở 3.4.6-3. |
| 3 | Các thành phần kết cấu trong khoang hàng (đối với các tàu trên 5 tuổi) | <ul style="list-style-type: none"> Nếu kết quả đo chiều dày theo qui định ở 3.4.6 thể hiện mức độ ăn mòn nhiều, thì phải tăng phạm vi đo chiều dày phù hợp với qui định ở 3.4.6-3. |
| Các yêu cầu đối với tàu chở hàng rời trên 5 tuổi | | |
| 1 | Các thành phần kết cấu trong két dẫn. | <ul style="list-style-type: none"> Từ kết quả kiểm tra như qui định trong Bảng 1B/3.4, nếu đăng kiểm viên thấy cần thiết, phải đo chiều dày với mức độ do đăng kiểm viên quyết định tại những vị trí có tình trạng sơn phủ kém, ăn mòn hoặc các khuyết tật khác trong két dẫn hoặc không có sơn bảo vệ từ thời điểm chế tạo. Nếu kết quả đo chiều dày thể hiện mức độ ăn mòn nhiều, thì phải tăng phạm vi đo chiều dày phù hợp với qui định ở 3.4.6-4. |

SỬA ĐỔI 3: 2007 TCVN 6259-1B:2003

| | | |
|---|---|--|
| 2 | Các nắp đậy miệng khoang và thành quây miệng khoang | <ul style="list-style-type: none"> • Từ kết quả kiểm tra tiếp cận như qui định ở Bảng 1B/3.5, nếu đăng kiểm viên thấy cần thiết, phải đo chiều dày với mức độ do đăng kiểm viên quyết định tại những vị trí phát hiện thấy lớp sơn phủ kém, ăn mòn hoặc các khuyết tật khác trong kết dẫn hoặc không có sơn bảo vệ từ thời điểm chế tạo. • Nếu kết quả đo chiều dày thể hiện mức độ ăn mòn nhiều, thì phải tăng phạm vi đo chiều dày phù hợp với qui định ở 3.4.6-4. |
| 3 | Các thành phần kết cấu trong khoang hàng. | <ul style="list-style-type: none"> • Nếu kết quả đo chiều dày thể hiện mức độ ăn mòn nhiều, thì phải tăng phạm vi đo chiều dày phù hợp với qui định ở 3.4.6-4. |
| <p>Các yêu cầu đối với tàu chở hàng tổng hợp có tổng dung tích ≥ 500</p> | | |
| 1 | Các thành phần kết cấu trong kết dẫn | <ul style="list-style-type: none"> • Từ kết quả kiểm tra như qui định trong Bảng 1B/3.4, nếu đăng kiểm viên thấy cần thiết, phải đo chiều dày với mức độ do Đăng kiểm viên quyết định tại những vị trí phát hiện thấy lớp sơn phủ kém, ăn mòn hoặc các khuyết tật khác trong kết dẫn hoặc không có sơn bảo vệ từ thời điểm chế tạo. • Nếu kết quả đo chiều dày thể hiện mức độ ăn mòn nhiều, thì phải tăng phạm vi đo chiều dày phù hợp với qui định ở 3.4.6-2. |
| 2 | Các nắp đậy miệng khoang và thành quây miệng khoang | <ul style="list-style-type: none"> • Từ kết quả kiểm tra tiếp cận theo qui định ở Bảng 1B/3.4, nếu Đăng kiểm viên thấy cần thiết, phải đo chiều dày theo yêu cầu của Đăng kiểm viên. Nếu thấy ăn mòn nhiều, thì phải đo chiều dày bổ sung phù hợp với qui định ở 3.4.6-2. |
| 3 | Các thành phần kết cấu trong khoang hàng | <p>1. Đối với tàu chở gỗ trên 5 tuổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phải đo chiều dày của các thành phần kết cấu có qui định kiểm tra tiếp cận trong tất cả các khoang hàng với mức độ như đợt kiểm tra định kỳ trước. • Có thể miễn việc đo chiều dày nếu từ kết quả kiểm tra tiếp cận, Đăng kiểm viên thấy rằng không có sự suy giảm kết cấu và sơn bảo vệ (nếu có) vẫn còn hiệu quả. |

SỬA ĐỔI 3: 2007 TCVN 6259-1B:2003

3.4 Kiểm tra định kì thân tàu, trang thiết bị, thiết bị chữa cháy và phụ tùng

Mục 3.4 có những sửa đổi như sau:

Bổ sung 3.4.1, các Mục cũ 3.4 được đánh số lại: Mục 3.4.1 thành 3.4.2, Mục 3.4.2 thành 3.4.3, Mục 3.4.3 thành 3.4.4 v.v..

3.4.1 Qui định chung

1 Kiểm tra được tiến hành vào thời điểm bắt đầu hoặc hoàn thành kiểm tra định kì

- (1) Trong trường hợp nếu kiểm tra định kì được bắt đầu phù hợp với qui định 1.1.3-1(4)(b) hoặc (c) việc đo chiều dầy theo yêu cầu 3.4.8 tại thời điểm bắt đầu kiểm tra để càng thuận lợi cho việc lập kế hoạch sửa chữa càng tốt. Trường hợp nếu kiểm tra định kì được bắt đầu tại hoặc trước thời gian kiểm tra hàng năm lần thứ tư, thì tối thiểu các yêu cầu kiểm tra hàng năm nêu ở 3.1 phải được thực hiện.
- (2) Trong trường hợp nếu kiểm tra định kì được bắt đầu phù hợp với qui định 1.1.3-1(4)(b) hoặc (c), việc kiểm tra theo qui định 3.1.2, 3.1.3, 3.3.3 và 3.3.4, tối thiểu phải được thực hiện vào lúc hoàn thành Kiểm tra định kì. Căn cứ vào kết quả kiểm tra, nếu đăng kiểm viên thấy cần thiết, có thể tiến hành kiểm tra ở phạm vi rộng hơn.

2 Kiểm tra tàu chở hàng hỗn hợp

Vào các đợt kiểm tra định kì đối với các tàu chở hàng hỗn hợp như tàu chở quặng/dầu và tàu chở quặng/hàng rời/dầu, việc kiểm tra phải được tiến hành phù hợp với các qui định liên quan của Mục này (3.4), xem xét các trang thiết bị của tàu, hình dạng kết cấu và quá trình khai thác trước đó.

Các Mục 3.3.4 đánh số thành 3.3.6, mục 3.3.6 đánh số thành 3.3.8 và được sửa đổi như sau:

3.4.3 Thử khả năng hoạt động

Tiểu mục -1 được sửa đổi như sau:

- 1 Vào các đợt kiểm tra định kỳ, phải thử khả năng hoạt động như qui định ở 3.3.4, ngoài ra, phải đảm bảo rằng dụng cụ đo tải trọng yêu cầu ở 32.1.1 và 32.3.2, Phần 2A làm việc tốt. Khi áp dụng các yêu cầu đối với thử khả năng hoạt động nêu ở 3.3.4, và không cho phép bỏ qua việc thử khả năng hoạt động đối với thiết bị neo và chằng buộc qui định ở hạng mục 3 trong Bảng 1B/3.8.

Bổ sung tiểu mục -2 như sau:

- 2 Ngoài những qui định ở -1, phải thử khả năng hoạt động và thử hoạt động như qui định ở từ (1) đến (4) sau đây:
 - (1) Thử hoạt động đối với tất cả các nắp miệng khoang dẫn động bằng cơ giới được qui định ở Mục 1 của Bảng 1B/3.8,
 - (2) Thử bằng vòi rồng được qui định ở Bảng 1B/2.1 hoặc tương đương, đối với tất cả các nắp đáy miệng khoang kín thời tiết,
 - (3) Thử khả năng hoạt động và thử hoạt động đối với toàn bộ hệ thống ống dẫn và ống hút khô,
 - (4) Đối với tàu dầu và tàu chở xô hoá chất nguy hiểm, phải thử khả năng hoạt động và thử hoạt động của hệ thống ống dẫn và ống làm hàng trong phạm vi tất cả các khoang hàng, tất cả các khoang và không gian quanh khoang hàng như két dẫn, buồng bơm, hầm đặt ống, khoang đệm, các không gian trống và trên boong thời tiết.

Tiểu mục -2 được đánh số lại thành -3 và bỏ tiểu mục -4.

3.4.5 Kiểm tra tiếp cận

Tiểu mục -1 được bổ sung (3) và sửa đổi như sau:

- 1 Vào các đợt kiểm tra định kỳ, phải kiểm tra tiếp cận đối với các bộ phận nêu từ (1) đến (3) dưới đây:
 - (3) Tất cả các tấm nắp và tấm thành miệng khoang.

3.4.7 Thử áp lực

Tiểu mục -3 được sửa đổi như sau:

- 3 Vào các đợt kiểm tra định kỳ đối với tàu dầu và tàu chở xô hoá chất nguy hiểm, ngoài qui định ở -2 nói trên, phải thử áp lực các két nêu ở Bảng 1B/3.31.

SỬA ĐỔI 3: 2007 TCVN 6259-1B:2003

Bảng 1B/3.14 được sửa đổi như sau:

Bảng 1B/3.14 Qui định bổ sung về kiểm tra bên trong đối với tàu chở hàng rời

| Kiểm tra định kỳ | Các khoang và kết phải kiểm tra | Lưu ý trong kiểm tra |
|---------------------------------|--|---|
| Tất cả các đợt kiểm tra định kỳ | 1 Tất cả các kết và không gian liền kề với khoang hàng (kết dẫn, hầm chứa ống, khoang đệm và các không gian trống) | <ul style="list-style-type: none">• Đối với các kết dẫn, trừ các kết đáy đôi, nếu phát hiện thấy sơn phủ ở trong tình trạng kém và không được sơn lại hoặc không được sơn từ thời điểm chế tạo, phải tiến hành kiểm tra bên trong hàng năm. Đối với các kết dẫn đáy đôi ở tình trạng như trên, nếu Đăng kiểm viên thấy cần thiết, phải tiến hành kiểm tra bên trong hàng năm.• Đối với các kết dẫn được thay đổi thành khoang trống, phải kiểm tra áp dụng các qui định tương ứng đối với các kết dẫn. |

Bảng 1B/3.16 được sửa đổi như sau:

Bảng 1B/3.16 Quy định về kiểm tra tiếp cận đối với tàu chở hàng rời

| Kiểm tra định kỳ | Các thành phần kết cấu phải kiểm tra tiếp cận |
|--|---|
| Các yêu cầu đối với tàu không phải tàu chở hàng rời mạn kép* | |
| Kiểm tra định kỳ lần 1 (tàu 5 tuổi trở xuống) | <ol style="list-style-type: none"> Tất cả các sườn trong tất cả các khoang hàng, kể cả các liên kết mút sườn và tôn vỏ liên kế (A) Hai vách ngang khoang hàng được lựa chọn và chân các vách ngang còn lại, kể cả nẹp và sống vách (C) Một sườn khỏe cùng với tôn liên kết và các xà dọc trong 2 kết dẫn đại diện cho từng kiểu (kết đỉnh mạn hoặc kết hông)(B) Ống thông hơi và ống đo trong khoang hàng ở vùng đỉnh kết |
| Kiểm tra định kỳ lần 2 (tàu trên 5 tuổi đến 10 tuổi) | <ol style="list-style-type: none"> Mọi sườn trong tất cả các khoang hàng, kể cả các liên kết mút sườn và tôn vỏ liên kế (A) Tất cả các vách ngang, kể cả các nẹp và sống vách, trong tất cả các khoang hàng (C) Khoảng một nửa số sườn khỏe cùng với tôn liên kết và xà dọc, phần trên và dưới của từng vách ngăn trong kết dẫn đại diện của mỗi loại (kết đỉnh mạn hoặc kết hông)(B) Một sườn khỏe cùng với tôn liên kết và các xà dọc trong mỗi kết dẫn còn lại (B) Cả vách ngang phía đầu và đuôi tàu (kể cả nẹp và sống vách) trong một kết dẫn (B) Tất cả tôn boong và kết cấu dưới boong nằm giữa hai miệng khoang hàng (D) Các thành phần như nêu ở 4 của kiểm tra định kỳ lần 1. |
| Kiểm tra định kỳ lần 3 (tàu trên 10 đến 15 tuổi) | <ol style="list-style-type: none"> Mọi sườn trong tất cả các khoang hàng, kể cả các liên kết mút sườn và tôn vỏ liên kế (A) Tất cả các vách ngang (kể cả các nẹp và sống vách) trong tất cả các khoang hàng (C) Tất cả các sườn khỏe cùng với tôn liên kết và các xà dọc và tất cả các vách ngang(kể cả nẹp và sống) trong từng kết dẫn (B) Các thành phần như nêu ở 6 và 7 của kiểm tra định kỳ lần 2. |
| Kiểm tra định kỳ lần 4 và các lần sau (tàu trên 15 tuổi) | <ol style="list-style-type: none"> Như kiểm tra định kỳ lần 3. |

Bảng 1B/3.16 Qui định về kiểm tra tiếp cận đối với tàu chở hàng rời (tiếp theo)

| Kiểm tra định kỳ | Các thành phần kết cấu phải kiểm tra tiếp cận |
|---|--|
| Các yêu cầu đối với tàu chở hàng rời mạn kép | |
| Kiểm tra định kỳ lần 1 <i>(tàu 5 tuổi trở xuống)</i> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Hai vách ngang khoang hàng được lựa chọn và chân các vách ngang còn lại, kể cả nẹp và sống vách (C) 2. Một sườn khỏe cùng với tôn liên kết và các xà dọc trong 2 kết dẫn đại diện cho từng kiểu (bao gồm kết đỉnh mạn cao nhất và các kết dẫn mạn kép ở cả hai mạn)(B) 3. Ống thông hơi và ống đo trong khoang hàng ở vùng đỉnh kết |
| Kiểm tra định kỳ lần 2 <i>(tàu trên 5 tuổi đến 10 tuổi)</i> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Một vách ngang trong mỗi khoang hàng và chân các vách ngang còn lại, kể cả các nẹp và sống vách (C) 2. Khoảng một nửa số sườn khỏe cùng với tôn liên kết và xà dọc, phần trên và dưới của từng vách ngăn trong kết dẫn đại diện của mỗi loại (kết đỉnh mạn, kết hông hoặc kết mạn)(B) 3. Một sườn khỏe cùng với tôn liên kết và các xà dọc trong mỗi kết dẫn còn lại (B) 4. Cả vách ngang phía đầu và đuôi tàu (kể cả nẹp và sống vách) trong tiết diện ngang bao gồm kết đỉnh mạn, kết hông và kết dẫn mạn kép (B) 5. Một số lượng thoả đáng (tối thiểu bằng 1/4 tổng số) các sườn mạn hoặc nẹp vách dọc tại vùng mũi/giữa/đuôi của cả hai mạn trong các kết mạn kép gần mũi nhất (A) 6. Tất cả tôn boong và kết cấu dưới boong nằm giữa hai miệng khoang hàng (D) 7. Các thành phần như nêu ở 3 của kiểm tra định kỳ lần 1. |
| Kiểm tra định kỳ lần 3 <i>(tàu trên 10 đến 15 tuổi)</i> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Tất cả các vách ngang (kể cả các nẹp và sống vách) trong tất cả các khoang hàng (C) 2. Tất cả các sườn khỏe cùng với tôn liên kết và các xà dọc và tất cả các vách ngang(kể cả nẹp và sống vách) trong từng kết dẫn (B) 3. Một số lượng thoả đáng (tối thiểu bằng 1/4 tổng số) các sườn vỏ mạn hoặc nẹp vách dọc tại vùng mũi/giữa/đuôi ở cả hai mạn trong các kết mạn kép gần mũi nhất (A) 4. Các thành phần như nêu ở 6 và 7 của kiểm tra định kỳ lần 2. |
| Kiểm tra định kỳ lần 4 và các lần sau <i>(tàu trên 15 tuổi)</i> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Tất cả các sườn vỏ mạn và nẹp vách dọc ở các kết mạn kép (A). 2. Số lượng xác định ở 1, 2 và 4 của kiểm tra định kỳ lần 3. |

CHÚ THÍCH:

1. Từ viết tắt trong bảng có nghĩa là:

A: Sườn hầm hàng hoặc nẹp gia cường vỏ mạn hoặc vách dọc trong các kết mạn kép.

B: Sườn khoẻ (khung) hoặc vách ngang kín nước ở khoang mũi, khoang đuôi, kết đỉnh mạn, kết hông và các kết dãn mạn kép, kể cả các cơ cấu liên kế.

C: Tôn vách ngang hầm hàng, các nẹp và sống.

D: Tôn boong và kết cấu dưới boong nằm giữa hai thành miệng khoang hàng.

2. Phải kiểm tra tiếp cận các vách ngang ít nhất ở 4 mức sau:

(1) Ngay phía trên đáy trong và ngay phía trên đường giao giữa tấm ốp góc (nếu có) và tấm gia cường (shedder) đối với những tàu không có thanh ốp dưới (lower stool).

(2) Ngay trên và dưới tôn vỏ thanh ốp dưới (đối với những tàu có thanh ốp dưới) và ngay bên trên đường giao của tấm gia cường.

(3) Khoảng giữa chiều cao của vách.

(4) Ngay bên dưới tôn boong trên và ngay cạnh kết mạn trên, ngay bên dưới thanh ốp trên đối với những tàu có thanh ốp trên (upper stool) hoặc ngay bên dưới các kết đỉnh mạn.

3. Kết mạn kép của tàu chở hàng rời hai lớp vỏ phải được coi như kết rời nó nối với cả kết đỉnh mạn hoặc kết hông.

* Đối với các tàu chở hàng rời có bố trí khoang hàng ghép v.v.. với một số khoang hàng của vỏ mạn đơn và các khoang khác của vỏ mạn kép và các kết mạn liên kế.

**Bảng 1B/3.16B Qui định về kiểm tra tiếp cận đối với tàu hàng
tổng hợp có tổng dung tích ≥ 500**

| Kiểm tra định kỳ | Các thành phần kết cấu phải kiểm tra tiếp cận |
|--|--|
| Kiểm tra định kỳ lần 1 (tàu 5 tuổi trở xuống) | <ol style="list-style-type: none"> 1. Các sườn được lựa chọn ở một khoang hàng mũi, một khoang hàng đuôi và các không gian nội boong liên quan; vùng dưới của các sườn còn lại bao gồm cả liên kết nút của chúng và tôn mạn liền kề 2. Vùng dưới của sườn mạn trong các khoang hàng còn lại bao gồm cả liên kết nút của chúng và tôn mạn liền kề 3. Một vách ngang được lựa chọn và vùng chân của các vách còn lại, gồm cả các nẹp và sống vách 4. Ống thông hơi và ống đo trong khoang hàng ở vùng đỉnh kết. |
| Kiểm tra định kỳ lần 2 (tàu trên 5 tuổi đến 10 tuổi) | <ol style="list-style-type: none"> 1. Các sườn mạn được lựa chọn trong tất cả các khoang hàng cùng với các không gian nội boong, vùng dưới của các sườn còn lại gồm cả liên kết nút của chúng và tôn mạn liền kề 2. Một vách ngang được lựa chọn và vùng chân của các vách ngang trong mỗi khoang hàng, gồm cả các nẹp và sống vách 3. Cả vách ngang phía đầu và đuôi tàu (kể cả nẹp và sống vách) trong một kết dẫn mạn 4. Một sườn khỏe cùng với tôn liên kết và các xà dọc trong hai kết dẫn đại diện của mỗi loại kết (kết đỉnh mạn, kết hông, kết mạn hoặc kết đáy đôi) 5. Vùng tôn boong lựa chọn và các cơ cấu dưới boong nằm giữa hai miệng khoang hàng * 6. Vùng tôn đáy trong được lựa chọn 7. Các thành phần như nêu ở 4 của kiểm tra định kỳ lần 1. |
| Kiểm tra định kỳ lần 3 (tàu trên 10 đến 15 tuổi) | <ol style="list-style-type: none"> 1. Tất cả các sườn mạn ở khoang hàng gần mũi và 25% sườn ở các khoang hàng khác cùng không gian nội boong và vùng chân của của tất cả các sườn còn lại bao gồm cả liên kết nút của chúng và tôn mạn liền kề 2. Tất cả các vách ngang (kể cả các nẹp và sống vách) trong tất cả các khoang hàng 3. Tất cả các vách ngang (kể cả nẹp và sống vách) trong từng kết dẫn 4. Tất cả các sườn khỏe cùng với tôn liên kết và các xà dọc trong mỗi kết dẫn (kết đỉnh mạn, kết hông, kết mạn và kết đáy đôi) 5. Tất cả tôn boong và các cơ cấu dưới boong nằm ở vùng giữa hai miệng khoang hàng 6. Toàn bộ tôn đáy trong 7. Các thành phần như nêu ở 7 của kiểm tra định kỳ lần 2. |
| Kiểm tra định kỳ lần 4 và các lần sau (tàu trên 15 tuổi) | <ol style="list-style-type: none"> 1. Tất cả các sườn vỏ mạn trong toàn bộ các khoang hàng cùng với các không gian nội boong bao gồm các liên kết nút của chúng và tôn mạn liền kề 2. Số lượng cơ cấu xác định ở 2 đến 7 của kiểm tra định kỳ lần 3. |

CHÚ THÍCH:

1. Phải kiểm tra tiếp cận các vách ngang tối thiểu ở 3 mức sau đây:
 - a) Ngay phía trên đáy trong và ngay phía trên nội boong, nếu có;
 - b) ở giữa vách đối với các khoang không có nội boong;
 - c) Ngay bên dưới tấm boong trên và tấm boong nội boong.
2. Tôn boong và cơ cấu dưới boong nằm ở vùng lỗ khoét giữa hai miệng khoang hàng.

Bảng 1B/3.17 được sửa đổi như sau:

Bảng 1B/3.17 Qui định về đo chiều dày đối với tàu hàng

| Loại kiểm tra | Các thành phần kết cấu phải kiểm đo chiều dày |
|--|---|
| <p>Kiểm tra định kỳ lần 3 (tàu trên 10 tuổi đến 15 tuổi)</p> | <p>...</p> <p>5. Các kết cấu bên trong khoang mút mũi và mút đuôi.</p> <p>...</p> |
| <p>Kiểm tra định kỳ lần 4 (tàu trên 15 tuổi đến 20 tuổi)</p> | <p>1. Khu vực có nghi ngờ.</p> <p>2. Các phần kết cấu sau đây :</p> <p>(1) Toàn bộ tôn boong chính lộ thiên trên suốt chiều dài</p> <p>(2) Tầng tấm và kết cấu ở ba mặt cắt ngang trong phạm vi 0,5L giữa tàu. Tuy nhiên, đối với những tàu có chiều dài nhỏ hơn 100 m có thể giảm xuống còn hai mặt cắt</p> <p>(3) Tất cả các dải tôn mạn vùng mớn nước thay đổi , ở mạn trái và mạn phải trên suốt chiều dài</p> <p>3. Tôn boong thượng tầng hở đại diện (boong dăng đuôi, lầu lái và thượng tầng mũi)</p> <p>4. Toàn bộ dải tôn giữa đáy (ky) trên suốt chiều dài . Các tôn đáy bổ sung ở khu vực khoang cách ly, buồng máy và mút sau các kết</p> <p>5. Tôn cửa hộp thông biển. Tôn vỏ ở khu vực xả mạn nếu Đăng kiểm viên thấy cần thiết</p> <p>6. Các kết cấu qui định ở từ 3. đến 7. trong đợt kiểm tra định kỳ lần 3.</p> |
| <p>Kiểm tra định kỳ lần 5 hoặc những lần tiếp theo (tàu trên 20 tuổi)</p> | <p>1. Khu vực có nghi ngờ.</p> <p>2. Tầng tấm và kết cấu ở ba mặt cắt ngang trong phạm vi 0.5L giữa tàu.</p> <p>3. Các kết cấu qui định ở 2. (trừ 2.(2)) đến 6. trong lần kiểm tra định kỳ lần 4.</p> |

Bảng 1B/3.19 được sửa đổi như sau:

Bảng 1B/3.19 Qui định về đo chiều dày đối với tàu dầu và tàu chở xô hoá chất nguy hiểm

| Loại kiểm tra | Kết cấu được đo chiều dày |
|---|--|
| <p>Kiểm tra định kỳ lần 1 (tàu 5 tuổi trở xuống)</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Khu vực nghỉ ngơi. 2. Từng tấm tôn boong trong một mặt cắt ngang ở khu vực kết dẫn (nếu có) hoặc một kết hàng chủ yếu dùng để chứa nước dẫn trong vùng xếp hàng. 3. Các kết cấu phải kiểm tra tiếp cận để đánh giá chung và ghi vào biểu đồ ăn mòn. 4. Các ống dầu hàng, dầu đốt, ống dẫn ống thông gió kể cả các cột và đầu ống thông gió, các đường ống khí trợ và các đường ống khác trong buồng bơm và trên boong thời tiết, nếu Đăng kiểm viên thấy cần thiết khi xem xét kết quả kiểm tra chung qui định ở 3.4.2. |
| <p>Kiểm tra định kỳ lần 2 (tàu trên 5 tuổi đến 10 tuổi)</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Khu vực nghỉ ngơi. 2. Trong vùng xếp hàng: <ol style="list-style-type: none"> (1) Từng tấm tôn boong (2) Một mặt cắt ngang. 3. Tất cả các kết cấu được đưa vào kiểm tra tiếp cận để đánh giá chung và ghi vào biểu đồ ăn mòn. 4. Các dải tôn mạn vùng mớn nước thay đổi, được chọn ở ngoài vùng xếp hàng. 5. Các ống dầu hàng, dầu đốt, ống dẫn ống thông gió kể cả các cột và đầu ống thông gió, các đường ống khí trợ và các đường ống khác trong buồng bơm và trên boong thời tiết, nếu đăng kiểm viên thấy cần thiết khi xem xét kết quả kiểm tra chung qui định ở 3.4.2. |
| <p>Kiểm tra định kỳ lần 3 (tàu trên 10 tuổi đến 15 tuổi)</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Khu vực nghỉ ngơi. 2. Trong vùng xếp hàng: <ol style="list-style-type: none"> (1) Từng tấm tôn boong (2) Hai mặt cắt ngang. 3. Tất cả các kết cấu được đưa vào kiểm tra tiếp cận để đánh giá chung và ghi vào biểu đồ ăn mòn. 4. Các dải tôn mạn vùng mớn nước thay đổi, được chọn ở ngoài vùng xếp hàng. 5. Tất cả các dải tôn mạn vùng mớn nước thay đổi ở vùng xếp hàng. 6. Các kết cấu bên trong kết nút mũi và nút đuôi. 7. Các ống dầu hàng, dầu đốt, ống dẫn, ống thông gió kể cả các cột và đầu ống thông gió, các đường ống khí trợ và các đường ống khác trong buồng bơm và trên boong thời tiết, nếu đăng kiểm viên thấy cần thiết khi xem xét kết quả kiểm tra chung qui định ở 3.4.2. |

Bảng 1B/3.19

**Qui định về đo chiều dày đối với tàu dầu
và tàu chở xô hoá chất nguy hiểm (tiếp theo)**

| Loại kiểm tra | Kết cấu được đo chiều dày |
|---|--|
| <p align="center">Kiểm tra định kỳ lần 4 hoặc những lần tiếp theo (tàu trên 15 tuổi)</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Khu vực nghi ngờ. 2. Trong vùng xếp hàng: <ol style="list-style-type: none"> (1) Tầng tấm tôn boong (2) Ba mặt cắt ngang. (3) Tầng tấm tôn đáy 3. Tất cả các kết cấu được đưa vào kiểm tra tiếp cận để đánh giá chung và ghi vào biểu đồ ăn mòn. 4. Tất cả các dải tôn mạn vùng môn nước thay đổi. 5. Các kết cấu bên trong kết nút mũi và kết nút đuôi. 6. Tôn boong chính lộ thiên được chọn bên ngoài vùng xếp hàng. 7. Tôn boong thượng tầng hở được chọn (boong dằng đuôi, boong lầu lái và thượng tầng mũi). 8. Toàn bộ chiều dài dải tôn giữa đáy (ky). Ngoài ra, các dải tôn đáy ở khu vực khoang cách ly, buồng máy và nút sau của các kết bên ngoài vùng xếp hàng. 9. Tôn của hộp thông biển. Tôn vỏ ở khu vực xả mạn nếu đăng kiểm viên thấy cần thiết. 10. Các ống dầu hàng, dầu đốt, ống dẫn, ống thông gió kể cả các cột và đầu ống thông gió, các đường ống khí trợ và các đường ống khác trong buồng bơm và trên boong thời tiết, nếu đăng kiểm viên thấy cần thiết khi xem xét kết quả kiểm tra chung qui định ở 3.4.2. |

Bảng 1B/3.24 được sửa đổi như sau:

Bảng 1B/3.24 Qui định về đo chiều dày đối với tàu chở hàng rời

| Loại kiểm tra | Kết cấu được đo chiều dày |
|--|---|
| <p>Kiểm tra định kỳ lần 1 (tàu từ 5 tuổi trở xuống)</p> | <p>1. Khu vực nghi ngờ</p> <p>2. Ít nhất là các kết cấu sau đây để đánh giá chung và ghi vào biểu đồ ăn mòn:</p> <p>(1) Chân của các sườn khỏe và mã dưới của mỗi ba sườn khoang ở vùng trước/giữa/sau ở cả hai bên trong mỗi khoang hàng của tàu mạn đơn</p> <p>(2) Ít nhất một một dải tôn chân của mỗi vách ngang</p> <p>(3) Các kết cấu khác được đưa vào kiểm tra tiếp cận.</p> |
| <p>Kiểm tra định kỳ lần 2 (tàu trên 5 tuổi đến 10 tuổi)</p> | <p>1. Khu vực nghi ngờ</p> <p>2. Các thành phần kết cấu trong vùng xếp hàng:</p> <p>(1) Hai mặt cắt ngang của tôn boong bên ngoài miệng khoang hàng</p> <p>(2) Toàn bộ tôn boong vùng xếp gỗ súc hoặc hàng hóa khác có xu hướng làm tăng độ ăn mòn</p> <p>3. Ít nhất là các kết cấu sau đây để đánh giá và ghi vào biểu đồ ăn mòn :</p> <p>(1) Toàn bộ các sườn, kể cả mã mút, trong khoang hàng mũi của tàu mạn đơn</p> <p>(2) Một số sườn thoả đáng (ít nhất là 1/4 tổng số) kể cả mã mút của chúng tại vùng trước/giữa/sau ở cả hai bên của mỗi khoang hàng còn lại của tàu mạn đơn</p> <p>(3) Các kết cấu khác được đưa vào kiểm tra tiếp cận.</p> <p>4. Các dải tôn mạn ở vùng mớn nước thay đổi tại các tiết diện ngang xem xét theo 2(1) nói trên.</p> <p>5. Các dải tôn mạn ở vùng mớn nước thay đổi nằm ngoài vùng xếp hàng.</p> |

Bảng 1B/3.24 Qui định về đo chiều dày đối với tàu chở hàng rời (tiếp theo)

| Loại kiểm tra | Kết cấu được đo chiều dày |
|--|---|
| <p>Kiểm tra định kỳ lần 3 (tàu trên 10 tuổi đến 15 tuổi)</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Khu vực nghi ngờ 2. Trong vùng xếp hàng: <ol style="list-style-type: none"> (1) Mỗi tấm tôn boong nằm ngoài miệng khoang hàng (2) Hai mặt cắt ngang, trong đó một ở vùng giữa tàu và một ở ngoài miệng khoang hàng 3. Ít nhất là các kết cấu sau đây để đánh giá chung và ghi vào biểu đồ ăn mòn: <ol style="list-style-type: none"> (1) Toàn bộ sườn khoang kể cả mút của chúng, ở khoang hàng phía trước và một khoang hàng khác được chọn của tàu mạn đơn (2) Một số sườn thoả đáng (ít nhất là 1/2 tổng số) kể cả mút của chúng, tại phần mũi/giữa/sau ở cả hai mạn của mỗi khoang hàng còn lại của tàu mạn đơn (3) Các kết cấu khác đưa vào kiểm tra tiếp cận 4. Các kết cấu bên trong kết mút mũi và mút đuôi 5. Tất cả các dải tôn mạn ở vùng mớn nước thay đổi trong vùng xếp hàng 6. Các dải tôn mạn ở vùng mớn nước thay đổi được chọn nằm ngoài phạm vi khu vực xếp hàng. |
| <p>Kiểm tra định kỳ lần 4 hoặc những lần tiếp theo (tàu trên 15 tuổi)</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Khu vực nghi ngờ 2. Trong vùng xếp hàng: <ol style="list-style-type: none"> (1) Mỗi tấm tôn boong nằm ngoài miệng khoang hàng (2) Ba mặt cắt ngang, trong đó một mặt cắt ở vùng giữa tàu, hai ở bên ngoài miệng khoang hàng (3) Từng tấm tôn đáy 3. Ít nhất là các kết cấu sau đây để đánh giá chung và ghi vào biểu đồ ăn mòn: <ol style="list-style-type: none"> (1) Toàn bộ sườn kể cả mã mút của chúng trong mọi khoang hàng của tàu mạn đơn (2) Các kết cấu khác được đưa vào kiểm tra tiếp cận. 4. Các kết cấu bên trong kết mút mũi và mút đuôi 5. Toàn bộ tôn boong chính lộ thiên nằm ngoài vùng xếp hàng 6. Tôn boong thượng tầng hở đại diện (boong dằng đuôi, boong lầu lái và thượng tầng mũi) 7. Toàn bộ chiều dài giả tôn giữa đáy (ky). Ngoài ra, các tấm tôn đáy ở khu vực khoang cách ly, buồng máy và mút sau của các kết 8. Tôn hộp thông biển. Tôn mạn ở khu vực các đầu xả mạn nếu Đăng kiểm viên thấy cần thiết 9. Mọi dải tôn mạn nằm ở vùng mớn nước thay đổi. |

Bảng 1B/3.24B Quy định về đo chiều dày đối với tàu hàng tổng hợp có dung tích ≥ 500

| Loại kiểm tra | Kết cấu được đo chiều dày |
|--|---|
| <p>Kiểm tra định kỳ lần 1 (tàu dưới 10 tuổi)</p> | <p>1. Khu vực nghi ngờ 2. Ít nhất là các kết cấu sau đây để đánh giá chung và ghi vào biểu đồ ăn mòn: (1) Trong các khoang hàng nếu hàng có khả năng ăn mòn cao đối với thép như gỗ sục, muối, than, quặng sulfide v.v.. ở phần chân các sườn khoê (phần mỏng nhất trong trường hợp sườn ghép) và các mã nút dưới của chúng, tối thiểu là 3 sườn khoang tại các phần mũi/giữa/đuôi ở cả hai mạn của mỗi khoang hàng (2) Ít nhất một dải tôn chân và dải tôn nằm ở nội boong của tất cả các vách ngang kín nước trong các khoang hàng như ở (1) nói trên cùng với các kết cấu gắn kèm (3) Cả hai đầu và phần giữa kể cả tấm mép của khung ngang hoặc các kết cấu tương ứng trong mỗi kết cấu chọn bất kỳ từ các kết dính mạn, kết hông và các kết sâu được dùng như kết dẫn.</p> |
| <p>Kiểm tra định kỳ lần 2 (tàu trên 5 tuổi đến 10 tuổi)</p> | <p>1. Khu vực nghi ngờ 2. Các phần sau đây của kết cấu trong vùng 0,5 L giữa tàu: (1) Mỗi tấm tôn trong một tiết diện của boong chịu lực đối với toàn bộ chiều rộng tàu tàu (2) Mỗi tấm tôn boong chịu lực trong vùng kết nước dần, nếu có (3) Mỗi tấm tôn boong chịu lực ở trên hoặc ở dưới hàng gỗ sục hoặc hàng hoá khác có xu hướng làm tăng ăn mòn 3. Ít nhất là các kết cấu sau đây để đánh giá chung và ghi vào biểu đồ ăn mòn: (1) Trong các khoang hàng nêu ở 2(1) của kiểm tra định kỳ lần 1, phần trên và dưới của sườn khoê (phần mỏng nhất trong trường hợp sườn ghép) và các mã nút của chúng với số sườn thoả đáng (tối thiểu là 1/3 tổng số) tại phần mũi/giữa/đuôi ở cả hai mạn của mỗi hầm hàng (2) Tất cả các giải chân và các giải nằm trong vùng nội boong của toàn bộ vách ngang kín nước trong các khoang hàng như xác định ở (1) nói trên và các kết cấu gắn kèm. (3) Trong các khoang hàng còn lại, các kết cấu nêu ở 2(1) nói trên của kiểm tra định kỳ lần 1 (4) Cả phần nút và giữa (kể cả tấm mép) của cỡ 1/2 số khung ngang hoặc các kết cấu chính tương ứng và ít nhất một tấm nút trên và dưới của từng vách trong mỗi kết cấu chọn từ các kết dính mạn, kết hông và các kết sâu được dùng như các kết dẫn (5) Cả phần nút và giữa của một khung ngang hoặc các kết cấu chính tương ứng (kể cả tấm mép) trong tất cả các kết dính mạn, kết hông còn lại và các kết sâu được dùng như các kết dẫn (trừ các kết nêu ở (4) nói trên (6) Các kết cấu khác được đưa vào kiểm tra tiếp cận 4. Tất cả các thành miệng khoang hàng (tấm và nẹp) 5. Các nắp miệng khoang hàng được chọn (tấm và nẹp).</p> |

| | |
|--|--|
| <p>Kiểm tra định kỳ lần 3 (tàu trên 10 tuổi đến 15 tuổi)</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Khu vực có nghi ngờ 2. Kết cấu trong phạm vi khu vực xếp hàng : <ol style="list-style-type: none"> (1) Từng tấm tôn boong ngoài miệng khoang hàng (2) Từng tấm tôn boong nằm trong vùng lõm khoét giữa miệng khoang hàng trong phạm vi 0,5L giữa tàu (3) Từng tấm tôn và kết cấu ở hai mặt cắt ngang, một ở vùng giữa tàu, trong phạm vi 0,5L giữa tàu. Tuy nhiên, đối với các tàu có chiều dài nhỏ hơn 100 m, số lượng mặt cắt ngang có thể giảm đến một (4) Tất cả các dải tôn ở vùng mớn nước thay đổi. 3. Các dải tôn chọn ở vùng mớn nước thay đổi nằm ngoài khu vực xếp hàng 4. Ít nhất là các kết cấu sau đây để đánh giá chung và ghi vào biểu đồ ăn mòn: <ol style="list-style-type: none"> (1) Phần chân và đỉnh sườn khoé (các phần mỏng nhất của sườn khoé trong trường hợp sườn ghép) và các mã nút của chúng với số lượng sườn thoả đáng (tối thiểu bằng 1/3 tổng số) tại phần mũi/giữa/đuôi của cả hai mạn trong mỗi khoang hàng (2) Các kết cấu khác đưa vào kiểm tra tiếp cận 5. Các kết cấu bên trong kết nút mũi và kết nút đuôi 6. Tất cả các nắp và thành miệng khoang hàng (tôn và nẹp). |
| <p>Kiểm tra định kỳ lần 4 hoặc những lần tiếp theo (tàu trên 15 tuổi)</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Khu vực có nghi ngờ 2. Các vùng kết cấu sau đây : <ol style="list-style-type: none"> (1) Toàn bộ tôn boong chính lộ thiên trên suốt chiều dài tàu (2) Từng tấm tôn và kết cấu ở 3 mặt cắt ngang, một ở vùng giữa tàu, trong phạm vi 0,5L giữa tàu. Tuy nhiên, đối với các tàu có chiều dài nhỏ hơn 100 m, số lượng mặt cắt ngang có thể giảm đến bằng hai (3) Từng tấm tôn đáy trong khu vực xếp hàng, kể cả dải chân của tôn hông (4) Tôn ki hộp hoặc hầm ống và các kết cấu bên trong ở khu vực xếp hàng 3. Tất cả các tấm tôn ở vùng mớn nước thay đổi 4. Ít nhất các kết cấu sau đây để đánh giá chung và ghi vào biểu đồ ăn mòn: <ol style="list-style-type: none"> (1) Các kết cấu đưa vào kiểm tra tiếp cận 5. Tôn boong thượng tầng hở đại diện (boong dăng đuôi, boong lầu lái và thượng tầng mũi) 6. Toàn bộ chiều dài của tất cả các dải tôn giữa đáy (ky) Ngoài ra, tôn đáy ở khu vực khoang cách ly, buồng máy và nút sau của các kết 7. Tôn hộp thông biển. Tôn mạn ở khu vực các đầu xả mạn nếu Đăng kiểm viên thấy cần thiết 8. Các kết cấu qui định ở 5. và 6. của đợt kiểm tra định kỳ lần 3. |

Bảng 1B/3.31 được sửa đổi như sau :

Bảng 1B/3.31 Những yêu cầu về thử áp lực đối với tàu dầu, v.v...

| Loại kiểm tra | Các kết được thử áp lực |
|--|---|
| <p>Kiểm tra định kỳ lần 1 (tàu từ 5 tuổi trở xuống)</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Khoảng hàng bao quanh kết dẫn, khoang trống, đường hầm đặt ống, kết dầu đốt, buồng bơm hoặc khoang cách ly 2. Đối với các tàu dầu, các kết đại diện cho kết nước ngọt, kết dầu đốt và kết dầu bôi trơn trong khu vực hàng 3. Tất cả các kết nước : Tuy nhiên, có thể xem xét ngoại lệ để đưa ra giới hạn việc thử các kết nước ngọt không phải là các kết nêu ở 2. nói trên bằng việc thử các kết đại diện, nếu sau khi kiểm tra bên trong và bên ngoài kết, Đăng kiểm viên thấy tình trạng của các kết thoả mãn. 4. Tất cả các kết dầu đốt Tuy nhiên, có thể xem xét ngoại lệ để đưa ra giới hạn việc thử các kết dầu đốt không phải là các kết nêu ở 2. nói trên bằng việc thử các kết đại diện, nếu sau khi kiểm tra bên trong hoặc bên ngoài kết như qui định ở 3.4.4-2, Đăng kiểm viên thấy tình trạng của các kết thoả mãn. 5. Các kết dầu bôi trơn Tuy nhiên, có thể xem xét ngoại lệ để đưa ra giới hạn việc thử các kết dầu bôi trơn không phải là các kết nêu ở 2. nói trên bằng việc thử các kết đại diện, nếu sau khi kiểm tra bên ngoài kết, Đăng kiểm viên thấy tình trạng của các kết thoả mãn. |
| <p>Kiểm tra định kỳ lần 2 (tàu trên 5 tuổi đến 10 tuổi)</p> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Tất cả các vách khoang hàng 2. Đối với tàu dầu, các kết đại diện cho kết nước ngọt, kết dầu đốt và kết dầu nhờn trong khu vực hàng 3. Tất cả các kết nước Tuy nhiên, có thể xem xét ngoại lệ để đưa ra giới hạn việc thử các kết nước ngọt không phải là các kết nêu ở 2. nói trên bằng việc thử các kết đại diện, nếu sau khi kiểm tra bên trong và bên ngoài kết, Đăng kiểm viên thấy tình trạng của các kết thoả mãn. 4. Tất cả các kết dầu đốt Tuy nhiên, có thể xem xét ngoại lệ để đưa ra giới hạn việc thử các kết dầu đốt không phải là các kết nêu ở 2. nói trên bằng việc thử các kết đại diện, nếu sau khi kiểm tra bên trong hoặc bên ngoài kết như qui định ở 3.4.4-2, Đăng kiểm viên thấy tình trạng của các kết thoả mãn. 5. Tất cả các kết dầu bôi trơn Tuy nhiên, có thể xem xét ngoại lệ để đưa ra giới hạn việc thử các kết dầu bôi trơn không phải là các kết nêu ở 2. nói trên bằng việc thử các kết đại diện, nếu sau khi kiểm tra bên ngoài kết, Đăng kiểm viên thấy tình trạng của các kết thoả mãn. |

Bảng 1B/3.31 Những yêu cầu về thử áp lực đối với tàu dầu, v.v... (tiếp theo)

| Loại kiểm tra | Các kết được thử áp lực |
|---|---|
| Kiểm tra định kỳ lần 3 <i>(tàu trên 10 tuổi đến 15 tuổi)</i> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Tất cả các vách khoang hàng 2. Tất cả các kết nước 3. Tất cả các kết dầu đốt Tuy nhiên, có thể xem xét ngoại lệ để đưa ra giới hạn việc thử các kết đáy đôi bằng việc thử các kết đại diện, bao gồm một kết phía trước và một kết phía sau và thử các kết sâu bằng việc thử các kết đại diện, nếu sau khi kiểm tra bên trong và bên ngoài kết như qui định ở 3.4.4-2, Đăng kiểm viên thấy tình trạng của các kết thoả mãn. 4. Tất cả các kết dầu nhớt Tuy nhiên, có thể xem xét ngoại lệ để đưa ra giới hạn việc thử các kết dầu đốt bằng việc thử các kết đại diện, nếu sau khi kiểm tra bên trong và bên ngoài kết như qui định ở 3.4.4-2, Đăng kiểm viên thấy tình trạng của các kết thoả mãn. |
| Kiểm tra định kỳ lần 4 hoặc những lần tiếp theo <i>(tàu trên 15 tuổi)</i> | <ol style="list-style-type: none"> 1. Tất cả các vách khoang hàng 2. Tất cả các kết nước, tất cả các kết dầu đốt và tất cả các kết dầu bôi trơn |

3.5 Kiểm tra trên đà

3.5.1 Kiểm tra trên ụ khô hoặc trên triển

Vào các đợt kiểm tra trên đà, phải thực hiện kiểm tra như nêu trong Bảng 1B/3.7 trên ụ khô hoặc trên triển sau khi làm sạch mặt ngoài của thân tàu.

3.5.2 Kiểm tra dưới nước

Nếu được Đăng kiểm chấp nhận, có thể áp dụng việc kiểm tra dưới nước thay kiểm tra trên ụ khô hoặc trên triển. Trong mọi trường hợp, không được thay thế việc kiểm tra trên đà hoặc trên triển nêu ở (1) hoặc (2) sau đây bằng kiểm tra dưới nước:

- (1) Kiểm tra trên đà hoặc trên triển vào thời gian nêu ở 1.1.3-1(2)(a)
- (2) Kiểm tra trên đà đối với các tàu chở hàng rời, tàu dầu và tàu chở xô hoá chất nguy hiểm khi các tàu này lớn hơn 15 tuổi.

3.5.3 Các qui định khác

Đối với những tàu có hệ thống kiểm soát và duy trì trạng thái kỹ thuật cho hệ trục chân vịt theo các yêu cầu ở 3.10.3, phải kiểm tra chung hệ trục và xem xét mọi số liệu kiểm soát trạng thái về hệ thống sẵn có trên tàu để đảm bảo hệ thống được duy trì tốt.

Bảng 1B/3.7 được bổ sung sửa đổi như sau:

Bảng 1B/ 3.7 Các yêu cầu đối với kiểm tra trên đà

| No. | Hạng mục | Nội dung kiểm tra |
|-----|---|---|
| 1 | Tôn vò kể cả tôn ki và sống mũi, sống đuôi | <ul style="list-style-type: none"> Kết cấu trong khu vực không liên tục, những bộ phận kết cấu có khả năng bị ăn mòn nghiêm trọng và các lỗ khoét ở tôn vò phải được kiểm tra cẩn thận. Phải tháo các nắp lưới, nếu Đăng kiểm viên thấy cần thiết. |
| 2 | Bánh lái | <ul style="list-style-type: none"> Bánh lái phải được nâng lên hoặc tháo ra và kiểm tra bằng mắt thường, phải kiểm tra chốt bánh lái, gu giông, trục lái, khớp nối và sống đuôi. Nếu Đăng kiểm viên thấy cần thiết, có thể yêu cầu thử áp lực bánh lái phù hợp với Bảng 1B/2.1. Phải đo khe hở ổ đỡ bánh lái. Có thể bỏ qua việc nâng hoặc tháo bánh lái nếu sau khi đo khe hở Đăng kiểm viên xét thấy tình trạng của bánh lái thoả mãn. |
| 3 | Các đầu lấy nước biển và các đầu xả mạn bao gồm cả các chi tiết nối ống dưới boong mạn khô và các van các vòi ở vỏ mạn, van thông biển hoặc chi tiết nối ống. | <ul style="list-style-type: none"> Các bộ phận chính của các van và vòi phải được tháo ra và kiểm tra. Phải kiểm tra các bu lông hoặc các chi tiết cố định chúng vào thân tàu. Đăng kiểm viên có thể quyết định không cần tháo chúng nếu chúng đã được tháo và kiểm tra thoả mãn ở lần kiểm tra trên đà trước đó. |
| 4 | Đầu sau của bạc đuôi | <ul style="list-style-type: none"> Phải đo khe hở giữa trục chân vịt và trục nằm trong ống bao đuôi và ổ đỡ phía sau của ống bao đuôi hoặc ổ đỡ trong giá đỡ trục hoặc độ sứt do mòn của ổ đỡ. |
| 5 | Thiết bị làm kín ống bao đuôi và ổ đỡ trong giá đỡ trục | <ul style="list-style-type: none"> Phải kiểm tra hiệu quả của vòng đệm kín dầu. |
| 6 | Chân vịt | <ul style="list-style-type: none"> Phải kiểm tra chân vịt. Trường hợp lắp chân vịt biến bước thì phải kiểm tra thiết bị điều khiển bước trong điều kiện làm việc. |
| 7 | Neo, xích neo, cáp, ống luồn neo, khoang chứa xích và phanh giữ cáp | <ul style="list-style-type: none"> Vào các đợt kiểm tra trên đà theo thời gian nêu ở 1.1.3-1(2)(a), neo và xích neo phải được trải ra và kiểm tra. Vào đợt kiểm tra định kì lần thứ 2 và các lần kiểm tra định kì tiếp theo, phải đo đường kính xích neo. Nếu đường kính trung bình của một mắt xích tại vị trí mòn nhất của nó giảm đi từ 12% trở lên so với đường kính danh nghĩa yêu cầu thì mắt xích đó phải thay mới. |
| 8 | Các khoang và kết | <ul style="list-style-type: none"> Phải tiến hành kiểm tra bên trong, kiểm tra tiếp cận và đo chiều dày (nếu chưa được thực hiện) khi có thể. <ol style="list-style-type: none"> Tối thiểu các phần phía dưới, được xem là những phần nằm dưới đường nước dẫn nhẹ, các khoang/kết và các kết dẫn tại lần kiểm tra trên đà trong ụ khô hoặc trên triển được thực hiện phù hợp với kiểm tra định kì hoặc vào thời gian qui định ở 3.3.1-2. Kiểm tra trên đà thực hiện vào thời gian qui định ở 1.1.6-5, càng xa càng tốt. |